TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SÔNG CẦU** TỈNH PHÚ YÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/DS-ST
Ngày: 18/8/2020
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Long

2. Ông Phan Văn Ký

- *Thư ký phiên toà*: Bà Bùi Thị Tuyết –Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu*: Ông Phan Văn Thanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 209/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị A, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn Hòa K, xã Xuân H, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Có mặt

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn Vịnh H, xã Xuân T, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện nhận ngày ngày 18 tháng 12 năm 2019, tại biên bản ghi lời khai ngày 26/6/2020 có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đoàn Thị A trình bày:*

Ngày 27/3/2018 và trong ngày 29/6/2018, bà Nguyễn Thị B có trực tiếp vay số tiền 455.000.000đ *(Bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng*) chỉ có một mình

chị B vay và ký tên vào giấy vay tiền, ngoài ra vào các ngày 02/4/2018 bà B mượn của bà A số tiền 30.000.000đ, ngày 03/4/2020 mượn 70.000.000đ, ngày 04/5/2018 mượn 15.000.000đ, ngày 06/5/2018 mượn 20.000.000đ, ngày 10/6/2018 mượn 100.000.000đ, ngày 29/6/2018 mượn 25.000.000đ, ngày 30/9/2018 mượn 25.000.000đ, ngày 11/02/2018 mượn 20.000.000đ, tổng cộng 335.000.000đ những khoản vay này bà B không viết giấy nhưng những lần mượn tiền này bà A đưa tiền cho ông Nguyễn M để đưa cho bà B. Bà B hẹn 02 tháng sẽ trả số tiền này cho bà A, nhưng khi đến hạn trả nợ, dù bà A liên lạc bằng điện thoại nhiều lần để đòi nợ nhưng bà B né tránh không chịu trả nợ cho bà A rồi bỏ trốn khỏi địa phương cho đến nay. Nên bà A khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu yêu cầu Tòa buộc bà Nguyễn Thị B phải trả cho bà A tổng số tiền gốc là 790.000.000đ *(Bảy trăm chín mươi triệu đồng)*. Bà A không yêu cầu bà B phải trả tiền lãi đối với số nợ trên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, bà Đoàn Thị A có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 335.000.000đ *(Ba trăm ba mươi lăm triệu đồng)*, chỉ yêu cầu Tòa giải quyết buộc bà B trả cho bà A số tiền 455.000.000đ *(Bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng)*.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Đoàn Thị A giữ nguyên việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 335.000.000đ, giữ nguyên yêu cầu Tòa buộc bà B trả cho bà A số tiền 455.000.000đ (*Bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng)*.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị B vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nên không có lời trình bày.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến*:

Về tố tụng: Toà án đã xác định đúng quan hệ, xác định đầy đủ và đúng tư cách của những người tham gia tố tụng. Quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân. Bị đơn vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị B phải trả cho nguyên đơn bà Đoàn Thị A số tiền gốc đã vay là 455.000.000đ *(Bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng)*. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị A đối với số tiền 335.000.000đ *(Ba trăm ba mươi lăm triệu đồng)*. Về án phí buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

***[1] Về Thẩm quyền*:** Bà Đoàn Thị A khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả số tiền đã mượn là 790.000.000đ *(Bảy trăm chín mươi triệu đồng)*, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản";* nguyên, bị đơn đều cư trú tại thị xã C. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Phú Yên.

[2] *Về tố tụng*: Bị đơn bà Nguyễn Thị B đã được triệu tập và được niêm yết hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do.

Theo kết quả xác minh tại Công an xã Xuân T bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1978 cùng có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Vịnh H, xã Xuân T, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Bà B đã bỏ địa phương đi hơn 01 năm không về lại địa phương, không báo cho địa phương biết nên địa phương không biết bà B đi đâu, ở đâu; bà B cũng không thông báo cho bà A biết địa chỉ nơi cư trú mới của bà B. Việc bỏ đi của bà B thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ Điều 227, 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về nội dung:

Theo đơn khởi kiện của bà Đoàn Thị A nhận ngày 18/12/2019 thì bà A yêu cầu bà B trả tổng số tiền 790.000.000đ nhưng đến ngày 24/7/2020 bà A có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 335.000.000đ, chỉ yêu cầu Tòa giải quyết buộc bà B trả cho bà A số tiền 455.000.000đ *(Bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng)*.

Xét yêu cầu trả nợ gốc của bà Đoàn Thị A đối với số tiền 455.000.000đ *(Bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng,* Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do bà A cung cấp gồm: giấy ghi ngày 27/3 ghi số tiền 30.000.000đ, có ký tên Nguyễn Thị B và các giấy xác nhận vay vốn ngày 29/6/2018 ghi các số tiền 25.000.000đ, 100.000.000đ, 300.000.000đ, các giấy này đều có chữ ký, ghi họ tên bà Nguyễn Thị B, không ghi thời hạn, không có thỏa thuận lãi suất và theo lời trình bày của bà A thì giấy ghi nợ ngày 27/3 không ghi năm nhưng ngày 27/3 là của năm 2018 với số tiền 30.000.000đ và trong ngày 29/6/2018 bà B là người trực tiếp mượn của bà 03 lần gồm: số tiền 25.000.000đ, ngày 29/6/2018 ghi số tiền 100.000.000đ, 300.000.000đ, bà A khẳng định chỉ một mình bà B trực tiếp vay tiền của bà vì giữa bà và bà B là bạn bè, khi vay tiền bà B bảo bà A đừng cho ai biết, nên xác định số nợ này là nợ riêng của bà B, do bà B bỏ đi khỏi địa phương, là trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vi phạm nghĩa vụ của bên vay, không thực hiện nghĩa vụ nên phải

chịu hậu quả pháp lý của việc không chứng minh. Vì vậy việc bà Đoàn Thị A cho bà Nguyễn Thị B vay tổng số tiền 455.000.000đ *((Bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng)* là có thật. Nên yêu cầu của bà A là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà A; buộc bà Nguyễn Thị B phải thanh toán cho bà A số tiền 455.000.000đ *(Bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng)*.

Về lãi suất, quá trình tòa giải quyết và tại phiên tòa bà A không yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả lãi suất từ khi vay cho đến khi xét xử vụ án, nên Hội đồng không xét.

Đối với số tiền 335.000.000đ *(Ba trăm ba mươi lăm triệu đồng)*, bà Đoàn Thị A có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa giải quyết, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà A rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà A là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định pháp luật nên chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị A yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả số tiền 335.000.000đ

Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, HĐXX chấp nhận.

Về án phí: Bà Đoàn Thị A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 455.000.000 đồng x 5% = 22.750.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị A. Buộc bà Nguyễn Thị B phải trả cho bà Đoàn Thị A số tiền gốc đã mượn là 455.000.000đ *(Bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng)*.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị A yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả cho bà A số tiền 335.000.000đ *(Ba trăm ba mươi lăm triệu đồng)*.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong thì

hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí:

Hoàn trả lại cho bà Đoàn Thị A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.800.000 đồng *(Mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu số AA/2019/0000450 ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Buộc bà Nguyễn Thị B phải chịu 22.750.000đồng *(Hai mươi hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên (1);
- VKSND TX. Sông Cầu (2);
- Chi cục THADS TX. Sông Cầu (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu Hồ sơ vụ án (1);
- Án văn (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Hoàng